

Bản án số: 05/2020/HS-ST

Ngày: 07 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Hoài Nam;

Ông Đỗ Mai Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Ông Ma Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2020/TLST-HS ngày 26/3/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HS, ngày 23/4/2020, đối với bị cáo:

TRIỆU ĐỨC B; Sinh ngày: 27/4/1997; Nơi sinh: xã Th N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: thôn Th L, xã Th N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Dao; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Chúc Văn P, sinh năm: 1976; Con bà: Bàn Mùi D (tên khác Bàn Thị D), sinh năm 1980; Vợ (Không đăng ký kết hôn nhưng chung sống như vợ chồng với chị Triệu Thị Nh, sinh năm 1997); Con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 04/9/2012, Ủy ban nhân dân huyện Na Hang có Quyết định số 1539/QĐ –CT đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 18 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/02/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang.

Có mặt.

+ Người bào chữa: Luật sư Hoàng Hải B, Luật sư văn phòng Luật sư Hoàng Minh, cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

Có mặt.

+ Bị hại: Ông Triệu Văn T; Dân tộc: Dao;

Địa chỉ: Thôn Ph Ng, xã S L, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Có mặt

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Triệu Tồn Nh, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn Ph (thôn N M cũ), xã C B, huyện Pắc Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt.

+ Người làm chứng: của ông Bàn Văn Tiên, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn L Kh, xã S L, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/7/2019, Triệu Đức B đi nhờ xe người khác đến nhà người quen ở thôn P Ng, xã S L, huyện Na Hang chơi. Đến khoảng 22 cùng ngày B đi bộ theo đường liên thôn thuộc thôn P Ng, xã S L, huyện Na Hang về nhà mình. Trên đường đi đến khu vực nhà ông Triệu Văn Th, B phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HODA Wave RSX, gắn biển kiểm soát 22N1-0769 (biển đăng ký đúng là 88K4-1955) của Th dựng ở đường lên nhà (cách nhà Th khoảng 03 mét). B quan sát thấy người trong nhà ông Th đã đi ngủ và không có người qua lại, nên B nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô. B dắt xe mô tô xuống đường liên thôn, đi ra hướng trung tâm xã S L. Khoảng 04 giờ ngày 24/7/2019, khi đi B đến quán sửa xe của ông Bàn Văn T. B gọi Tiên dậy và nói xe bị mất chìa khóa điện, nhờ T giúp mở ổ khóa điện xe (rút dây mát) cho xe nổ máy, T đồng ý. Sau khi khởi động nổ được xe, B điều khiển đi theo đường Quốc lộ 279 đến xã Công Bằng, huyện Pắc Nặm, tỉnh Bắc Kạn tiêu thụ. Khoảng 08 giờ ngày 24/7/2019, khi đến địa phận tỉnh Bắc Kạn, B vào quán của ông Nông Văn H, sinh năm 1978, trú tại thôn Nà Chao, xã Công Bằng, huyện Pắc Nặm để sửa xe, trong quá trình sửa xe, B hỏi ông Hồ vay 400.000 đồng để đi mua đồ, hẹn khi đến lấy xe sẽ trả, Hồ đồng ý. Vay được tiền B đến quán Bi-a ở thôn Pắc Cáp, xã Công Bằng chơi, tại đây B gặp và làm quen với ông Triệu Tồn Nh. Ông Nh hỏi B ở đâu sao lại đi bộ, B nói có xe mô tô nhưng đã bán ở quán sửa xe giá 400.000 đồng, do Nh đang cần mua xe đi nên nói B đi chuộc lại xe bán lại cho Nh, B đồng ý, B và Nh đi đến quán của ông Hồ, Nh đưa cho B 450.000 đồng để trả tiền (vay 400.000 đồng và sửa xe 50.000 đồng) cho ông Hồ và lấy lại xe, sau đó B giao xe mô tô biển kiểm soát 22N1-0769 cho Nh và xin thêm Nh 20.000 đồng, số tiền do bán xe trộm cắp B chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 04/02/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Na Hang triệu tập được B đến làm việc, B đã khai nhận toàn bộ quá trình trộm cắp xe mô tô của ông Th.

Quá trình điều tra xác định, chiếc xe mô tô B trộm cắp của Th có biển số đăng ký thật là 88K4-1955, do thiếu tiền sửa xe nên Th đã để lại biển số tại quán sửa xe của ông Nguyễn Kim V, sinh năm 1990 (tạm trú xã S L, huyện Na Hang) để làm tin, khi nào trả tiền sẽ lấy lại biển số, sau đó Th đã lắp biển số 22N1-0769 vào xe để đi lại.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 16/KLĐG-HĐĐGTSTTHS ngày 09/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Na Hang, kết luận: Chiếc xe mô tô bị trộm cắp đêm ngày 23 rạng sáng ngày 24/7/2019, có giá trị: 2.748.900 đồng (*Hai triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm đồng*).

Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Na Hang đã tạm giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu HODA Wave RSX, biển kiểm soát 22N1-0769; 01 biển kiểm soát xe mô tô số 88K4-1955; 01 đăng ký xe mô tô số 002471. Ngày 09/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Na Hang đã có Quyết định xử lý vật chứng số 15, trả lại toàn bộ vật chứng trên cho chủ sở hữu hợp pháp Triệu Văn Th. Đối với biển kiểm soát số 22N1-0769, được chuyển đến Công an huyện Na Hang xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại yêu cầu B bồi thường 8.100.000 đồng (tiền chi phí tìm xe mô tô bị trộm cắp), B chưa bồi thường. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Triệu Tồn Nh trình bày không có yêu cầu gì về số tiền 470.000đ tiền mua xe do bị cáo trộm cắp mà có.

Trước Cơ quan Cảnh sát điều tra Triệu Đức B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 07/CT- VKSNH ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 07 tháng đến 09 tháng tù;

Ghi nhận bị cáo tự nhận bồi thường cho bị hại 2.000.000đ; Hoàn trả cho ông Triệu Tồn Nh 470.000đ.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để quyết định về án phí; áp dụng các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo đối với bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi bị truy tố, tự nguyện nhận trả cho ông Th tiền chi phí đi tìm xe là 2.000.000đ, tự nguyện nhận hoàn trả cho ông Nh 470.000đ và xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Luật sư đề nghị xử bị cáo mức án nhẹ nhất vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị hại Triệu Văn Th yêu cầu bị cáo trả tiền công. Chi phí đi tìm xe bị mất là 6.000.000đ. Nhất trí mức án xử bị cáo như Kiểm sát viên đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Na Hang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng: Lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ ngày 23/7/2019, tại nhà ông Triệu Văn Th, thuộc thôn P Ng, xã S L, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, Triệu Đức B đã có hành vi lết lút lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu HODA Wave RSX, gắn biển kiểm soát 22N1-0769 (biển đăng ký đúng là 88K4-1955) của ông Th. Trị giá xe là 2.748.900 đ. Hành vi của bị cáo đã phạm tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo và quyết định hình phạt chính.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo là nam giới, có sức khỏe nhưng không lao động chân chính mà chiếm đoạt tài sản của người khác, bán để có tiền tiêu sài cá nhân. Bị cáo có nhân thân xấu – đã từng được đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 1539/QĐ –CT, ngày 04/9/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Na Hang. Vì vậy, cần có mức hình phạt tù nghiêm minh, tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung có hiệu quả.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo HĐXX thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội được quy định tại điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mức án do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: HĐXX thấy rằng bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định, không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[5]. Trách nhiệm dân sự:

Bị hại Triệu Văn Th yêu cầu bị cáo bồi thường 6.000.000đ tiền công truy tìm xe bị mất nhưng không có căn cứ để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Th.

Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường cho ông Th 2.000.000đ tiền công, chi phí truy tìm xe, đi lấy xe về nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Tồn Nh vắng mặt. Tại giai đoạn điều tra trình bày không đề nghị gì về khoản tiền 470.000đ đã đưa cho bị cáo, tuy nhiên bị cáo tự nguyện nhận bồi hoàn cho ông Triệu Tồn Nh 470.000đ tiền đã nhận của ông Nh nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông Nh không có mặt tại phiên tòa nên xác định ông Nh có quyền đòi bị cáo tiếp trong vụ án dân sự khác nếu xác định ông bị thiệt hại khác do mua xe do bị cáo trộm cắp mà có.

[6]. Về vật chứng:

Xe mô tô thu giữ được và đăng ký xe đã được trả lại cho ông Triệu Văn Th là phù hợp.

Biển kiểm soát 22N1-0769 Cơ quan điều tra đã giao cho Công an huyện Na Hang xử lý là phù hợp.

[7]. Về án phí, quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo được miễn tiền án phí dân sự với phần tiền tự nguyện bồi thường cho ông Th, bồi hoàn cho ông Nh theo quy định của điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Triệu Văn Th không được chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường nhưng được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của các Điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Triệu Đức B phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Triệu Đức B 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (Ngày 05/02/2020).

2. Về trách nhiệm dân sự:

Không chấp nhận yêu cầu đòi tiền công, chi phí đi truy tìm xe bị mất của ông Triệu Văn Th.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Triệu Đức B: Bị cáo Triệu Đức B phải trả cho ông Triệu Văn Th tiền công, chi phí đi tìm xe là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Triệu Đức B: Bị cáo Triệu Đức B phải trả cho ông Triệu Tồn Nh tiền mua xe là 470.000đ (Bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

"Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự."

Ông Triệu Tồn Nh có quyền đòi bị cáo bồi thường tiếp trong vụ án dân sự khác nếu xác định ông bị thiệt hại khác do mua xe do bị cáo trộm cắp mà có.

3. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Triệu Đức B phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn cho bị cáo Triệu Đức B và ông Triệu Văn Th tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Căn cứ các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo Triệu Đức B, bị hại Triệu Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Triệu Tồn Nh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKSND huyện Na Hang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam CA tỉnh TQ;
- Bị cáo;
- CQCSĐT Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp TQ;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Anh Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM **THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vi Hoài Nam

Đỗ Mai Sơn

Phan Anh Thành

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKSND huyện Na Hang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam CA tỉnh TQ;
- Bị cáo;
- CQCSĐT Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp TQ;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Anh Thành

